

Số: 82/2024/QĐST-VHNGĐ

Hà Nội, ngày 01 tháng 04 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần giải quyết việc Hôn nhân và gia đình gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: **Bà Nguyễn Bích Hạnh.**

Thư ký phiên họp: Bà Phạm Thị Trang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên họp:

Bà Lê Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 04 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 70/2024/TLST-VHNGĐ ngày 22/03/2024, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”. Theo Quyết định mở phiên họp giải quyết việc hôn nhân gia đình số 75/QĐST-VHNGĐ ngày 25/03/2024 gồm:

*** Những người yêu cầu sau đây:**

- **Anh N D J**, sinh năm 1983.

Quốc tịch: Hoa Kỳ; Hộ chiếu: ***** do Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ cấp ngày 04/10/2017; Nơi ở: K- S Y, Y 1036-9 #203, Hàn Quốc.

Anh N D J ủy quyền cho anh V T C (sinh năm 1993, nơi thường trú: G B, thị trấn Đ M, huyện C L, tỉnh L S) giao nộp tài liệu và nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

(Anh N D J xin vắng mặt, anh C có mặt).

- **Chị D P T**, sinh năm 1990.

Quốc tịch: Việt Nam; Căn cước công dân số 001190040420 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 06/12/2023; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Số 2, ngõ 20/8 N V X, quận T X, thành phố Hà Nội.

(Chị T có mặt)

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN GIA ĐÌNH:

Theo anh N D J trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị D P T đăng ký kết hôn vào ngày 16/09/2016 tại Văn phòng phường T, thành phố Y, tỉnh K, Nhật Bản và ghi nhận việc đăng ký kết hôn vào sổ đăng ký dân sự tại Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt

Nam tại Nhật Bản vào ngày 18/01/2017. Sau khi kết hôn, chúng tôi nhận ra vợ chồng khác biệt nhau về tính cách, văn hóa, lối sống, sở thích. Những điều đó khiến chúng tôi không còn hiểu nhau và không thể chia sẻ về cuộc sống cá nhân, hạnh phúc, nỗi buồn hay áp lực trong cuộc sống. Chúng tôi trở nên sống khép kín và riêng biệt trong quan hệ hôn nhân và tình yêu. Thậm chí, vợ chồng đã cố gắng để tìm cách giải quyết vấn đề, tuy nhiên không có cách nào để chúng tôi hiểu, hòa hợp với nhau như lúc đầu. Cuộc sống gia đình của chúng tôi trở nên áp lực và buồn bã hơn. Nay chúng tôi nhận thấy vợ chồng không còn dành tình cảm cho nhau và cuộc hôn nhân của chúng tôi chỉ tồn tại trên giấy tờ; do đó chúng tôi thỏa thuận ly hôn để chúng tôi ổn định cuộc sống cá nhân.

- Về con chung: Chúng tôi không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết
- Về tài sản chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Chúng tôi không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì tôi đang sống và làm việc ở nước ngoài nên tôi không thể tham gia vào quá trình giải quyết vụ việc. Vì vậy, tôi đề nghị Tòa án cho phép tôi vắng mặt trong quá trình xét xử. Mặt khác, tôi xin ủy quyền cho ông V T C nộp toàn bộ hồ sơ, chứng cứ, án phí (nếu có) liên quan đến việc ly hôn của chúng tôi và được nhận toàn bộ hồ sơ theo yêu cầu của Tòa án. Tôi cam kết không kháng cáo toàn bộ phán quyết của Tòa án.

Theo chị D P T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh N D J đăng ký kết hôn vào ngày 16/09/2016 tại Văn phòng phường T, thành phố Y, tỉnh K, Nhật Bản và ghi nhận việc đăng ký kết hôn vào sổ đăng ký dân sự tại Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Nhật Bản vào ngày 18 tháng 1 năm 2017. Sau khi kết hôn, chúng tôi nhận ra rằng chúng tôi khác biệt nhau về tính cách, văn hóa, lối sống, sở thích. Điều này khiến cả hai vợ chồng không có tiếng nói chung, không chia sẻ với nhau được về cuộc sống, niềm vui, nỗi buồn hay áp lực hàng ngày. Hôn nhân và tình cảm của cả hai ngày càng lạnh nhạt, xa cách. Dù cả hai vợ chồng đã nhiều lần cố gắng tìm mọi cách hòa giải nhưng vẫn không hiểu được nhau. Cuộc sống gia đình của chúng tôi trở nên áp lực, buồn bã hơn. Nay chúng tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc hôn nhân của chúng tôi chỉ tồn tại về mặt pháp lý. Do đó chúng tôi cùng thống nhất thỏa thuận ly hôn để ổn định cuộc sống cá nhân.

- Về con chung: Chúng tôi không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết
- Về tài sản chung, nhà ở chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chúng tôi không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình: Tôi tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí.

Tại phiên họp:

- Anh N D J xin vắng mặt tại phiên họp. Anh N D J ủy quyền cho anh V T C giao, nhận các văn bản tố tụng thay anh.

- Chị D P T giữ nguyên ý kiến và quan điểm đã trình bày, chị thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa chị và anh N D J.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phát biểu:

Về tố tụng, việc Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân gia đình được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Anh N D J và chị D P T kết hôn do tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 16/09/2016 tại Văn phòng phường T, thành phố Y, tỉnh K, Nhật Bản và đã ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn tại Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản, số 39/Q01-2017/TLGCKH, ngày 18/01/2017 nên là hôn nhân hợp pháp. Việc anh N D J và chị D P T yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình tại Tòa án là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự. Khi Tòa án thụ lý giải quyết việc hôn nhân gia đình, anh N D J đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc nên Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của anh N D J tại phiên họp: Anh N D J đã có lời khai xin giải quyết vắng mặt đồng thời anh N D J đã ủy quyền cho anh V T C giao, nhận văn bản tố tụng của Tòa án. Do vậy, Tòa án mở phiên họp giải quyết việc hôn nhân gia đình vắng mặt anh N D J theo quy định tại khoản 2 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét quá trình chung sống, anh N D J và chị D P T đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng ít quan tâm nhau. Ngoài ra, do khoảng cách địa lý vợ chồng sống ly thân mỗi người mỗi nơi, chị T sống tại Việt Nam, anh N D J sinh sống tại Hàn Quốc nên mâu thuẫn của anh chị càng thêm trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh N D J và chị D P T là chính đáng và phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Về con chung: Anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

Về tài sản chung, nhà ở chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

Về nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình: Chị D P T tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 29; khoản 3 Điều 35; Điểm b khoản 1 Điều 37; Khoản 2 Điều 67; Điều 143, 146, 149, 367, 369, 370, 371 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 hướng dẫn mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, quyết định:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh N D J và chị D P T.

2. Về con chung: Anh N D J và chị D P T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

3. Về tài sản chung, nhà ở chung: Anh N D J và chị D P T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

- Về công nợ chung: Anh N D J và chị D P T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

4. Về lệ phí: Chị D P T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0023134 ngày 21/03/2024 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Ghi nhận chị D P T đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 01 ngày 04 năm 2024.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội;
- Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội;
- Lưu.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Nguyễn Bích Hạnh